

Bản án số: 49/2020/DS-ST
Ngày: 28-6-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Văn Lộc

Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về: tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 206, Ô 7, khu phố Thanh Bình B, thị trấn Gò D, huyện Gò D, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968

Ông Võ Thanh T1, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: ấp Thanh H, xã Thanh Đ, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

Bà H, bà T và ông T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Do quen biết từ việc làm ăn chung nên khoảng thời gian từ năm 2019-2020 bà có nhiều lần cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T vay tiền.

Ngày 21/12/2020 bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Võ Thanh T1 trả số tiền tổng cộng là 542.950.000 đồng, trong đó có các khoản tiền như sau:

- Tiền vay: 411.000.000 đồng.
- Tiền mua đồ: 100.950.000 đồng.
- Tiền vợ chồng bà T mua xe máy cày của bà là 31.000.000 đồng.

Tuy nhiên do tin tưởng nhau nên khi cho vay cũng như mua bán với nhau bà không có làm giấy tờ với vợ chồng bà T.

Ngày 05/4/2021 bà làm đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng bà T trả cho bà số tiền vay 200.000.000 đồng. Cụ thể việc vay mượn như sau: bà cho vợ chồng bà T và ông T1 vay tiền từ tháng 12 năm 2019 số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 03 tháng. Khi vay thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng nhưng chưa trả lãi được khoản tiền nào. Giao tiền tại nhà của bà nhưng không làm giấy nợ.

Do vay mượn không có giấy tờ, vợ chồng bà T chỉ thừa nhận số tiền 170.000.000 đồng nên nay bà cũng chỉ yêu cầu bà T và ông T1 trả số tiền 170.000.000 đồng, không tính lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2021 bà Nguyễn Thị T trình bày.

Thông qua bà Trần Thị Dầm giới thiệu, khoảng tháng 12/2019 bà có đến gặp bà Trần Thị H để vay tiền. Vợ chồng bà hỏi vay số tiền 200.000.000 đồng nhưng bà H chỉ đưa số tiền 170.000.000 đồng, số tiền 30.000.000 đồng còn lại bà H nói trừ vào tiền cò. Khi vay thỏa thuận lãi suất 1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay khoảng mấy tháng không nhớ chính xác. Bà đóng tiền lãi từ ngày vay được hơn 03 tháng số tiền là 93.000.000 đồng thì ngưng do dịch bệnh. Việc đóng lãi không có giấy tờ, không có chứng cứ chứng minh.

Nay bà chỉ chấp nhận trả cho bà H số tiền gốc là 170.000.000 đồng, không tính lãi. Đối với số tiền lãi đã đóng do không có chứng cứ nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét lại.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2021 ông Võ Thanh T1 trình bày.

Ông thông nhất theo ý kiến của vợ là bà Nguyễn Thị T. Ông đồng ý cùng bà T trả cho bà H số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng, không tính lãi.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T và ông T1 trả cho bà H số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng, không tính lãi. Đối với số tiền 342.950.000 đồng bà H rút yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ theo quy định Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, lời khai của đương sự và chứng cứ trong vụ án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Thanh T1 cư trú tại ấp Thanh H, xã Thanh Đ, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà H, bà T và ông T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Bà H trình bày cho bà T và ông T1 vay số tiền 200.000.000 đồng từ tháng 12 năm 2019, thời hạn cho vay là 03 tháng sẽ trả, khi vay thỏa thuận lãi suất 3%/tháng nhưng chưa trả lãi. Tuy nhiên bà H không làm giấy nợ, không có chứng cứ chứng minh. Quá trình Tòa án làm việc bà T và ông T1 chỉ thừa nhận vay số tiền 170.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay khoảng mấy tháng không nhớ rõ. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc vay số tiền 170.000.000 đồng giữa bà H, bà T và ông T1 là có thật. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Bà T và ông T1 chưa trả tiền gốc cho bà H là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận của các bên nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền gốc 170.000.000 đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

[4] Bà T trình bày đã đóng tiền lãi được hơn 03 tháng số tiền là 93.000.000 đồng thì ngưng do dịch bệnh nhưng việc đóng lãi không có giấy tờ, không có chứng cứ nên không có căn cứ xem xét.

[5] Bà H có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 342.950.000 đồng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 342.950.000 đồng theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 170.000.000 đồng x 5% = 8.500.000 đồng, bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trần Thị H đối với bà Nguyễn Thị T và ông Võ Thanh T1.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Thanh T1 có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền gốc là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi nghìn đồng). Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 342.950.000 đồng. Bà Trần Thị H được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị T và ông Võ Thanh T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.500.000 đồng.

Bà Trần Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 12.859.000 đồng theo biên lai thu số 0007924 ngày 25/12/2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thúy Liễu